

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH LONG AN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 97/2025/HC-ST
Ngày: 12-6-2025
V/v khiếu kiện quyết định
hành chính trong lĩnh vực
quản lý Nhà nước về đất đai

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông Trần Văn Quán

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thanh Tây
- Bà Nguyễn Thị Thủy

- Thư ký phiên tòa: bà Vũ Thị Thu Hương – Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Long An.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An tham gia phiên tòa: ông Võ Thanh Bình - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2025 tại Trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 59/2025/TLST-HC ngày 01 tháng 4 năm 2025 về “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 132/2025/QĐXXST-HC ngày 29 tháng 5 năm 2025 giữa các đương sự:

1. *Người khởi kiện:* ông Ngô Văn M, sinh năm 1968; *Địa chỉ:* ấp C, xã L, huyện C, tỉnh Long An.

Người đại diện hợp pháp của người khởi kiện: ông Vũ Khắc Đ, sinh năm 1977. *Địa chỉ:* số C N, Phường C, Thành phố T, Long An.

2. *Người bị kiện:* Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An

3. *Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:*

3.1. Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1959;

3.2. Bà Trần Thị T1, sinh năm 1963;

Cùng địa chỉ: số A ấp A, xã P, huyện C, tỉnh Long An.

3.3. Ông Dương Văn T2, sinh năm 1936;

3.4. Ông Võ Chí Đ1, sinh năm 1959;

3.5. Bà Trần Thị B, sinh năm 1960;

Cùng địa chỉ: số C ấp P, xã L, huyện B, tỉnh Long An.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện ngày 19/11/2024, người khởi kiện ông Ngô Văn M trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 747m², loại đất: LUC, tọa lạc tại: xã P, huyện C, tỉnh Long An là của ông nội ông M là ông Dương Văn B1 sử dụng từ trước năm 1975. Sau năm 1975, ông Dương Văn B1 để lại cho ông Dương Văn T2.

Ông Ngô Văn M, ông Dương Văn M1 và ông Võ Chí Đ1 (cháu ngoại ông B1) cùng sử dụng toàn bộ thửa đất trên. (thời điểm này thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01 chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất)

Năm 1984, vợ chồng ông Võ Chí Đ1 và bà Trần Thị B cho ông Nguyễn Văn T một phần đất có diện tích khoảng 571m² tại thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, tọa lạc tại: xã P, huyện C, tỉnh Long An, phần đất này đã được ông T xây dựng hàng rào kiên cố. Phần diện tích đất còn lại khoảng 176m² được giữ lại để gieo mạ. Đến năm 2013, cha ông M và ông Đ1 cho chú ông M là ông Dương Văn T2 sử dụng.

Năm 2014, chú ông M là ông Dương Văn T2 có cho lại ông M phần đất trên và ông M đã sử dụng để trồng lúa ổn định cho đến nay. Vì phần đất của ông M đang sử dụng (thửa 38) nằm cạnh đất của ông T nên ông M và ông T đã thống nhất ranh đất hai bên và tiến hành cắm mốc giới rõ ràng. Năm 2019, ông T cùng với ông M thống nhất ranh giới và ông T đã xây hàng rào kiên cố trên phần đất của mình phân chia giữa phần đất của ông M đang quản lý và sử dụng (thửa 38 và một phần thửa 37) với phần đất của ông T đang sử dụng (một phần thửa 37).

Năm 2023, Công ty TNHH MTV T4 đến đo đạc lại đất trên địa bàn toàn huyện thì ông M phát hiện phần đất của ông M đang canh tác có diện tích 176m² còn nằm trong thửa đất số: 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, tọa lạc tại: xã P, huyện C, tỉnh Long An đã được cấp GCN QSD đất cho ông Nguyễn Văn T. Ông M có đề nghị ông T hợp tác với ông M thực hiện việc ký hồ sơ nhằm chuyển phần đất như vừa nêu trên sang tên ông M cho phù hợp với đối tượng sử dụng nhưng ông T không chấp nhận.

Do ông Nguyễn Văn T không đồng ý với yêu cầu của ông M nên ngày 28/02/2024 ông M có đơn gửi UBND xã P, huyện C đề nghị hòa giải tranh chấp.

Ngày 17/4/2024 UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An có lập Biên bản hòa giải tranh chấp đất giữa ông M và ông Nguyễn Văn T, nội dung biên bản ghi nhận các bên tranh chấp hòa giải không thành.

Đến nay, ông Ngô Văn M và ông Nguyễn Văn T không thể thương lượng, hòa giải được với nhau để giải quyết về diện tích đất như vừa nêu trên.

Người khởi kiện Ngô Văn M yêu cầu: Hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận QSD đất số vào sổ: 01853/QSDD/0403-LA do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, diện tích 176m², tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện C không có ý kiến trình bày.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37 là do vợ chồng ông nhận chuyển nhượng từ ông Võ Chí Đ1 và bà Trần Thị B, vào khoảng năm 1982. Sau khi nhận chuyển nhượng, ông đã cho ông Võ Chí Đ1 gieo mạ trên đất vì giữa hai người có mối quan hệ bà con họ hàng. Sau đó, ông Đ1 cho ông T2 sử dụng phần đất này. Ông T2 sau đó lại chuyển nhượng một phần đất số 37 cho ông Ngô Văn M sử dụng từ năm 2015 đến nay. Ông Nguyễn Văn T là người đã được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Lý do ông Nguyễn Văn T để cho ông Đ1 và ông T2 sử dụng đất là do ông đi làm ăn xa.

Tại buổi hòa giải ở xã, các bên đã thống nhất phần diện tích hơn 170m² do ông Ngô Văn M đang sử dụng sẽ được chia đôi, mỗi người (ông M và ông T) một nửa. Tuy nhiên, sau đó ông Ngô Văn M đổi ý và khởi kiện. Biên bản hòa giải tại xã, ông Nguyễn Văn T hiện không còn giữ.

Ông Nguyễn Văn T trình bày ông không khởi kiện yêu cầu ông Ngô Văn M trả lại phần đất nói trên tại Tòa án.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Chí Đ1, bà Trần Thị B trình bày:

Nguồn gốc thửa đất số 37 là do ông bà của ông để lại. Vợ chồng ông là người trực tiếp khai khẩn từ năm 1975. Vợ chồng ông đã sử dụng đất từ khoảng năm 1984 - 1985 thì cho ông Nguyễn Văn T một phần thuộc thửa 37. Phần đất cho ông Nguyễn Văn T là phần nằm trong hàng rào, phía bên nhà ông T. Phần đất còn lại, nằm ngoài hàng rào ông T vợ chồng ông sử dụng đến năm 2013 cho ông Dương Văn T2 sử dụng, rồi ông Dương Văn T2 lại cho ông Ngô Văn M sử dụng để trồng lúa vào năm 2014.

Ngày 01 tháng 4 năm 2025, Tòa án nhân dân tỉnh Long An thụ lý vụ án.

Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại không được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên toà:

Ông Vũ Khắc Đ đại diện cho người khởi kiện giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung trình bày trong đơn khởi kiện ghi ngày 19/11/2024.

Phía người khởi kiện tranh luận: giữa ông M và ông T cùng còn có mối quan hệ thân tộc. Nguồn gốc đất thửa 37 và 38 đều của ông bà ông Đ1 và bà B. Ông Đ1, bà B cho ông T phần diện tích thửa 37 đã được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và bên trong hàng rào do ông T xác định. Phần diện tích còn lại bên ngoài để lại làm đất gieo mạ canh tác lúa, sau không sử dụng nữa cho ông T2. Ông T2 sử dụng một thời gian cho lại ông M sử dụng cho đến nay. Theo Mảnh trích đo hiện là khu A ông M sử dụng, Khu C ông T sử dụng. Trước đến nay ông T không sử dụng và không tranh chấp diện tích khu A mãi cho đến khi có việc đo đạc xác định lại diện tích đất ông T mới biết ông được cấp diện tích vị trí A trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất từ đó tranh chấp. Việc ông M sử dụng đất nhưng Ủy ban lại cấp cho ông T là không đúng nên đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông M, hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông T phần diện tích ông M sử dụng. Ông M được thực hiện quyền của người sử dụng đất.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Văn T trình bày: diện tích đất ông sử dụng 1.600m². Năm 1984 diện tích còn 747m², ông sử dụng canh tác lúa, còn lại là bờ đê. Năm 1999 được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Việc làm hàng rào là do ông làm ăn xa, vợ ông cho làm hàng rào như hiện nay nhưng bên ngoài vẫn còn là đất của thửa 37. Diện tích đất này ông để cho ông M mượn sử dụng canh tác lúa. Ông M kiện là không có căn cứ nhưng trên tinh thần giữ tình nghĩa hòa khí các bên ông đồng ý cho ông M sử dụng 100m², còn lại ông sử dụng.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị T1 không bổ sung gì thêm.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Võ Chí Đ1 và bà Trần Thị B xác định diện tích đất ông T sử dụng thửa 37 là của ông bà để lại cho vợ chồng ông. Hiện là đất nằm bên trong hàng rào, phần bên ngoài trước đây để cho ông T2 sử dụng. Sau đó ông để lại cho ông M. Ông Đ1 bà B khẳng định ông T không sử dụng phần diện tích đất này.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Long An phát biểu:

Về trình tự thủ tục đảm bảo theo quy định của luật tố tụng. Phía người bị kiện xin vắng nên không đối thoại được. Việc thu thập chứng cứ, công khai chứng cứ đảm bảo. Tại phiên tòa Thẩm phán, Thư ký và Hội đồng xét xử thực hiện đúng chức năng nhiệm vụ và quyền hạn. Các bên đương sự thực hiện đúng tố tụng về quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Tố tụng hành chính năm 2015.

Thời hiệu: ngày 17/4/2024 Ủy ban nhân dân xã giải quyết không thành, ngày 19/11/2024 ông M khởi kiện. Thời hiệu đảm bảo 1 năm theo điểm a Khoản 2 điều 116 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015.

Về nội dung: Nguồn gốc thửa đất 37 ông T nhận chuyển nhượng từ ông Đ1, bà B và được Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất. Ông Ngô Văn M được cấp thửa 38 nhưng thực tế sử dụng thêm một phần thửa 37. Nguồn gốc ông B1 cho ông T2 sử dụng, ông T2 không sử dụng cho lại ông M. Căn cứ Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ của Tòa án, và Mảnh Trích đo đại chính, phần diện tích đất một phần của thửa 37 ông M sử dụng trồng lúa. Ranh đất thửa 37 và diện tích đất ông M sử dụng là hàng rào do bên ông T tự xây. Mục đích sử dụng bên trong là đất vườn ông T trồng cây và sử dụng để ở. Tại biên bản hòa giải của Ủy ban nhân dân xã cũng xác định ranh đất sử dụng ổn định, Ủy ban đề nghị các bên giữ nguyên trạng. Như vậy, việc Ủy ban nhân dân huyện C cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T diện tích đất bên ngoài phần ông M trực tiếp quản lý sử dụng là không đúng đối tượng trái với điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013. Do đó đề nghị áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tố tụng hành chính năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn M. Hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01853/QSĐĐ/0403-LA do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, diện tích 176m², tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C chịu án phí theo quy định.

(Có bài phát biểu kèm theo)

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về đối tượng khởi kiện, phạm vi giải quyết, thẩm quyền xét xử.

Ông Ngô Văn M khởi kiện yêu cầu: Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01853/QSĐĐ/0403-LA do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, diện tích 176m², tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An là yêu cầu hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai.

Các bên không tranh chấp quyền sử dụng đất nên Tòa án thụ lý giải quyết theo yêu cầu của người khởi kiện.

Tòa án căn cứ Điều 3, Điều 7, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng Hành chính năm 2015 thụ lý giải quyết vụ án hành chính theo thủ tục hành chính.

[2] Về thời hiệu:

Ngày 17/4/2024 UBND xã P, huyện C, tỉnh Long An có hòa giải tranh chấp đất giữa ông Ngô Văn M và ông Nguyễn Văn T không thành.

Ngày 19/11/2024 ông Ngô Văn M khởi kiện

Căn cứ điểm a khoản 2 Điều 116 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 thời hiệu một năm đảm bảo.

[3] Về tư cách tố tụng: ông Ngô Văn M khởi kiện Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An nên xác định ông Ngô Văn M là người khởi kiện; Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An là người bị kiện.

Việc khởi kiện của ông M liên quan đến quyền lợi của ông Nguyễn Văn T, ông Dương Văn T2, ông Võ Chí Đ1, bà Trần Thị B nên Tòa án xác định các đương sự là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan.

[4] Việc công khai chứng cứ, đối thoại và xét xử vắng mặt đương sự.

Tòa án tiến hành công khai chứng cứ; lập biên bản đối thoại theo quy định tại các Điều 135, Điều 138 và Điều 139 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 và đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

[5] Việc xét xử vắng mặt đương sự.

Người đại diện cho người bị kiện có văn bản xin vắng mặt nên Tòa án căn cứ Điều 157, khoản 1 Điều 158 Luật Tố tụng hành chính năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt người bị kiện.

[6] Về yêu cầu của người khởi kiện

Ông Ngô Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Quyết định cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, diện tích 176m², tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An

[7] Xét thấy:

Ngày 22/01/1999 ông Nguyễn Văn T được UBND huyện C cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01853/QSDĐ/0403-LA đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 747m², loại đất: LUC, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Ngày 10/3/2015 ông Ngô Văn M được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số phát hành BY 951293 đối với thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.122m², loại đất: trồng lúa nước; tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

[8] Căn cứ vào Bản Trích đo địa chính ngày 17/02/2022 và ngày 09/4/2024 của Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai tại huyện C thửa 37, 38 thì ranh giới hai thửa đất 37 và 38 rõ ràng. Diện tích thửa đất số 38, tờ bản đồ số 01, diện tích 3.122m²; thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 747m².

[9] Theo Trích đo bản đồ địa chính ngày 11/6/2025 của Công ty TNHH Đ2, ông Ngô Văn M trực tiếp quản lý, sử dụng tại vị trí A, thuộc thửa 37, TĐĐ 1, diện tích 151,8m². Phần vị trí C do ông Nguyễn Văn T quản lý sử dụng.

[10] Tại Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 08/5/2025 của Tòa án nhân dân tỉnh Long An, phần diện tích đất ông Ngô Văn M yêu cầu xem xét hiện trạng là đất trồng lúa. Trên đất không có nhà cửa, công trình vật kiến trúc. Đất đã thu hoạch lúa, đang bỏ trống. Phần đất ông Ngô Văn M sử dụng là thửa 38 (giáp ranh với diện tích đất của ông Nguyễn Văn T thửa 37) và một phần thửa 37. Ranh giới hai thửa đất, phía ông T làm hàng rào lưới B40. Diện tích đất ông T sử dụng trồng cây lâu năm như dừa, chuối, hiện trạng là đất thổ vườn.

[11] Ông Nguyễn Văn T không đồng ý yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của ông M nhưng ông T cũng thừa nhận từ trước đến nay ông không sử dụng phần diện tích đất trồng lúa tại vị trí A theo Mạnh Trích đo bản đồ địa chính ngày 11/6/2025 của Công ty TNHH Đ2.

Ông Nguyễn Văn T trình bày ông cho ông M và ông T2 mượn sử dụng diện tích đất ở vị trí A nhưng không cung cấp được chứng cứ chứng minh việc này.

Theo xác minh của Ủy ban nhân dân xã P tại Biên bản xác minh ngày 06/3/2024 đối với một số người như ông Nguyễn Thanh P, ông Trần Minh T3 và bà Trần Thị L đều xác định ông Ngô Văn M là người trực tiếp quản lý sử dụng. Xác nhận của những người này phù hợp lời trình bày của ông Võ Chí Đ1, bà Trần Thị B rằng: Nguồn gốc thửa đất số 37 là do ông bà của ông để lại. Vợ chồng ông là người trực tiếp khai khẩn từ năm 1975. Vợ chồng ông đã sử dụng đất từ khoảng năm 1984 - 1985 cho ông Nguyễn Văn T một phần thuộc thửa 37. Phần đất cho ông T là phần nằm trong hàng rào có bên nhà ông T. Phần đất còn lại, nằm ngoài hàng rào của ông T vợ chồng ông sử dụng đến năm 2013 thì cho ông Dương Văn T2 sử dụng, sau đó ông T2 lại cho ông Ngô Văn M sử dụng để trồng lúa vào năm 2014.

[12] Như vậy, việc ông Nguyễn Văn T không sử dụng một phần diện tích đất của thửa 37 (bên ngoài hàng rào) nhưng được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất là không đúng đối tượng và diện tích. Căn cứ điểm d khoản 2 Điều 106 Luật Đất đai năm 2013, Hội đồng xét xử áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193 Luật Tổ tụng Hành chính năm 2015, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn M.

[13] Xét ông Ngô Văn M khởi kiện yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01853/QSĐĐ/0403-LA do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T tại một phần thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, loại đất: LUC, diện tích 176m² trong tổng diện tích 747m² nhưng theo quy định của Luật Đất đai và hướng dẫn của Tòa án nhân dân Tối cao không quy định việc hủy một phần diện tích.

Căn cứ giấy chứng nhận quyền sử dụng đất ông Nguyễn Văn T được cấp nhiều thửa trong đó có thửa 37 nên Hội đồng xét xử chỉ hủy thửa đất 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 747m² tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999.

Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ theo quy định của pháp luật về đất đai. Người sử dụng đất được thực hiện quyền theo quy định chung của pháp luật về đất đai.

[13] Về chi phí tố tụng: ông Ngô Văn M chịu, đã nộp xong.

[14] Về án phí hành chính sơ thẩm: Căn cứ khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội hướng dẫn về án phí, lệ phí Tòa án, phải chịu tiền án phí, ông Ngô Văn M thuộc diện miễn, không tạm ứng, không tuyên hoàn trả. Buộc Ủy ban nhân dân huyện C phải chịu.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 3, Điều 8, Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật Tố tụng hành chính 2015;

Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 193, Điều 157, khoản 1 Điều 158 điểm a khoản 2 Điều 116, Điều 348 và Điều 358 Luật Tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 32 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ngô Văn M đối với Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An về việc “Hủy quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý Nhà nước về đất đai”.

Hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số vào sổ: 01853/QSĐĐ/0403-LA của UBND huyện C cấp ngày 22/01/1999 cho ông Nguyễn Văn T đối với thửa đất số 37, tờ bản đồ số 01, diện tích 747m², loại đất: LUC, tọa lạc tại xã P, huyện C, tỉnh Long An.

Buộc cơ quan quản lý đất đai có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ công vụ đối với người sử dụng đất theo quy định của pháp luật về đất đai.

2. Về chi phí tố tụng: ông Ngô Văn M chịu 15.000.000 đồng, đã nộp xong.

3. Về án phí hành chính sơ thẩm:

Ông Ngô Văn M không phải chịu án phí, hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng theo biên lai thu số 0000403 ngày 26/3/2025 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Long An.

Buộc Ủy ban nhân dân huyện C, tỉnh Long An phải chịu và nộp 300.000đ.

4. Án xét xử công khai sơ thẩm, báo cho đương sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được

quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Long An;
- UBND tỉnh Long An;
- Cục THADS tỉnh Long An;
- Đường sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Văn Quán